TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 752/2019/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 10 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 899/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 14/96 đường 232, ấp 1, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Trần Đình T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 14/13A đường Tỉnh lộ 8, ấp 4, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đây là yêu cầu hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn:

Ông Trần Đình T và bà Trần Thị Mỹ L đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2009, ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Đình T và bà Trần Thị Mỹ L, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông Trần Đình T và bà Trần Thị Mỹ L phát sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Trần Đình T và bà Trần Thị Mỹ L thuận tình ly hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, sự thỏa thuận bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chung, không có nghĩa vụ dân sự chung.

Trung tâm hòa giải, đối thoại đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy áp dụng khoản 4 Điều 397, Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn của bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ chịu lệ phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2009, ngày 28/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Đình T và bà Trần Thị Mỹ L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 26/3/2010 cho ông Trần Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Minh T, sinh ngày 22/01/2013 cho bà Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có

thể yêu cầu tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T xác định không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, ông Trần Đình T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0022301 ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Mỹ L và ông Trần Đình T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Châu Trinh